

DANH SÁCH SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN (Hệ Đại học)
HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

Từ ngày 17/06/2013 đến ngày 06/07/2013

(Kèm theo Quyết định số 59/QĐ-TQS ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng TQS)

TT lớp	MSV	HỌ VÀ TÊN			NĂM SINH	LỚP	KẾT QUẢ HP1				KẾT QUẢ HP2				KẾT QUẢ HP3				TB	XL
							CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB	CC	KT	Thi	TB		
1	1821356466	Lê	Tuấn	Anh	01/07/1993	K18VQH	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	6.0	6.1	6.0	8.0	6.0	6.4	6.4	TBK
2	1820335903	Huỳnh	Thị Kim	Dung	17/03/1994	K18VQH	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	8.0	7.0	7.2	6.0	7.0	8.0	7.2	7.0	K
3	1820356469	Lê	Thị Phương	Dung	05/07/1994	K18VQH	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	8.0	7.7	6.0	8.0	6.0	6.4	6.9	TBK
4	1821354431	Diệp	Kiều	Dung	16/11/1994	K18VQH	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	K
5	1821354981	Đình	Văn	Dũng	18/11/1994	K18VQH	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.6	TBK
6	1820356102	Hoàng	Thị Hải	Hà	17/08/1993	K18VQH	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
7	1820356468	Mai	Khánh	Hiền	23/10/1994	K18VQH	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
8	1820336465	Lê	Thị Khánh	Hòa	18/05/1994	K18VQH	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	6.0	8.0	6.0	6.4	6.6	TBK
9	1821355747	Ngô	Phúc	Hung	02/10/1993	K18VQH	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.3	K
10	1820356348	Nguyễn	Thị Mỹ	Liên	26/07/1994	K18VQH	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.0	6.0	6.3	6.9	TBK
11	1820335426	Phạm	Thị Mỹ	Linh	11/10/1994	K18VQH	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	8.0	8.0	7.7	6.0	9.0	7.0	7.1	7.4	K
12	1820336347	Trương	Thị Nhật	Linh	26/03/1991	K18VQH	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.0	6.0	7.0	6.5	6.6	TBK
13	1820335902	Nguyễn	Thị Ngọc	Mai	02/06/1991	K18VQH	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.0	6.3	6.5	TBK
14	1820356554	Mai	Thị Kim	Ngân	26/06/1994	K18VQH	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K
15	1820336464	Phạm	Thị	Nhung	20/04/1994	K18VQH	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.0	7.0	6.0	6.2	6.3	TBK
16	1820356467	Nguyễn	Thị Kim	Oanh	05/01/1994	K18VQH	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	7.0	8.0	7.8	7.1	K
17	1820356470	Trần	Thị Như	Quý	02/09/1993	K18VQH	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	K
18	1821335425	Nguyễn	Giang	Thanh	17/12/1993	K18VQH	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK
19	1820335746	Bùi	Thị Huyền	Trang	26/05/1994	K18VQH	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K
20	1820354980	Trần	Thị Kiều	Trang	15/07/1994	K18VQH	7.0	7.0	9.0	8.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	K
21	1820334979	Lê	Thị Phương	Uyên	10/08/1994	K18VQH	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	6.7	7.1	K
22	1820336588	Lê	Thị	Vân	20/06/1994	K18VQH	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.1	TBK
23	1820354983	Trần	Thị Ái	Vân	15/10/1994	K18VQH	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.4	TBK
24	1821354982	Phạm	Ngọc	Vũ	20/01/1994	K18VQH	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	6.0	6.7	6.5	TBK
1	1821164154	Lê	Trung	Anh	11/01/1994	K18EVT	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	5.9	TB
2	1821164792	Nguyễn	Huỳnh Quang	Chương	02/01/1993	K18EVT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	7.0	6.0	6.5	6.6	TBK
3	1821164796	Trịnh	Văn	Dương	12/07/1994	K18EVT	7.0	5.0	6.0	6.1					7.0	9.0	7.0	7.4		KĐĐK
4	1821165669	Nguyễn	Văn	Đức	25/02/1994	K18EVT	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	6.0	6.7	6.7	TBK

5	1821164152	Nguyễn Huy	Khang	17/08/1994	K18EVT	6.0	5.0	7.0	6.3	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	K
6	1821163858	Nguyễn Quốc	Khánh	02/09/1994	K18EVT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
7	1821164795	Nguyễn Văn	Khánh	11/05/1994	K18EVT	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
8	1821164155	Nguyễn Đăng Anh	Khoa	24/12/1993	K18EVT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK
9	1821164148	Trần Hữu	Khỏe	07/06/1994	K18EVT	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K
10	1821163859	Ngô Hà Cẩm	Khuong	02/02/1994	K18EVT	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
11	1821164151	Nguyễn Hữu	Nam	10/05/1994	K18EVT	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK
12	1821165667	Võ Thành	Nghĩa	15/05/1994	K18EVT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.6	TBK
13	1821166028	Trần Duy	Phan	02/04/1994	K18EVT	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK
14	1821164156	Hồ Văn	Phi	08/06/1994	K18EVT	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
15	1821123985	Phạm Quốc	Phú	09/08/1994	K18EVT	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.9	TBK
16	1821164793	Hoàng Văn	Sinh	04/09/1994	K18EVT	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	6.0	6.7	6.2	TBK
17	1821163860	Nguyễn Phương	Tiên	27/07/1993	K18EVT	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	6.0	6.7	6.8	TBK
18	1821165666	Nguyễn Công	Tín	02/03/1994	K18EVT	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK
19	1821166298	Nguyễn Mạnh	Tuấn	25/01/1994	K18EVT	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK
20	1821166577	Đoàn Phước	Tuấn	09/06/1994	K18EVT	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	9.0	7.0	7.4	6.9	TBK
21	1821165668	Hà Kim	Tùng	17/07/1994	K18EVT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.2	TBK
22	1821165251	Lê Nguyễn Trung	Thành	02/11/1994	K18EVT	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
23	1821165255	Nguyễn Văn	Thảo	01/10/1993	K18EVT	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	9.0	6.0	6.9	7.0	K
24	1821163572	Trần Quốc	Thương	26/05/1992	K18EVT	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.2	K
25	1821166513	Phùng Nghĩa	Viên	25/03/1993	K18EVT	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK
26	1821164791	Phạm Quốc	Việt	15/10/1994	K18EVT	7.0	6.0	6.0	6.3	6.0	5.0	7.0	6.3	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
27	1821165252	Phạm Quang	Vinh	08/12/1994	K18EVT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	9.0	7.0	7.4	6.8	TBK
1	1821175257	Bùi Tuấn	Anh	08/03/1993	K18EDT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.0	5.0	5.8	6.4	TBK
2	1821174159	Bùi Công	Cảnh	16/11/1993	K18EDT	6.0	5.0	6.0	5.8	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.2	TBK
3	1821173861	Phạm Văn	Cao	29/12/1994	K18EDT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	8.0	6.0	6.7	6.2	TBK
4	1821174804	Đinh Văn	Đạt	27/02/1994	K18EDT	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK
5	1821164149	Trần Hải	Đăng	26/08/1994	K18EDT	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	5.0	6.0	6.3	TBK
6	1821175671	Hồ Thức	Đức	20/10/1994	K18EDT	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K
7	1821164153	Huỳnh Đức	Hải	08/02/1994	K18EDT	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	6.0	7.0	6.8	7.2	K
8	1821173576	Trần Lê Huy	Hoàng	12/01/1994	K18EDT	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	9.0	8.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.1	K
9	1821175672	Lê Ngọc	Hoàng	18/04/1994	K18EDT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	6.0	6.3	6.3	TBK
10	1821173862	Nguyễn Thế	Học	20/07/1994	K18EDT	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	8.0	6.0	6.7	6.8	TBK
11	1821174160	Lê Văn	Hùng	02/11/1994	K18EDT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.0	TBK
12	1821174162	Nguyễn Việt	Huy	01/11/1993	K18EDT	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK

13	1821174800	Đoàn Việt Hưng	04/05/1994	K18EDT	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
14	1821174158	Trần Phước Lâm	17/06/1994	K18EDT	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K
15	1821174161	Phạm Văn Lễ	20/04/1994	K18EDT	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	9.0	7.0	7.4	7.2	K
16	1821173575	Phạm Hồng Liễu	10/02/1994	K18EDT	6.0		5.0											KĐĐK
17	1821176029	Nguyễn Việt Long	01/01/1992	K18EDT	7.0	5.0	8.0	7.1	6.0	8.0	8.0	7.4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.2	K
18	1821175256	Đặng Văn Nga	22/03/1994	K18EDT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
19	1821174797	Trần Văn Nghĩa	14/09/1994	K18EDT	7.0		5.0						7.0	5.0	5.0	5.6		KĐĐK
20	1821175670	Võ Trịnh Nguyễn	15/04/1993	K18EDT	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	8.0	6.0	6.7	6.8	TBK
21	1821174799	Phạm Quang Nhân	22/04/1994	K18EDT	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK
22	1821176299	Lê Thanh Phúc	04/03/1994	K18EDT	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK
23	1821175259	Trần Xuân Quý	01/01/1994	K18EDT	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	6.0	6.1	5.9	TB
24	1821173863	Lục Trần Thiện Tâm	01/11/1994	K18EDT	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K
25	1821174801	Phạm Đình Tuấn	13/08/1994	K18EDT	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK
26	1821175260	Lê Văn Thắng	28/05/1994	K18EDT	6.0	5.0	6.0	5.8	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	7.0	6.6	6.0	TBK
27	1821175258	Nguyễn Bá Thiện	18/12/1994	K18EDT	6.0	5.0	6.0	5.8	7.0	7.0	6.0	6.5	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK
28	1821176030	Phan Hoàng Thiện	17/12/1993	K18EDT	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
29	1821174798	Đỗ Văn Thông	10/07/1994	K18EDT	6.0	6.0	6.0	6.0	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	7.0	5.0	6.0	6.3	TBK
1	1821625647	Trần Đức Anh	11/09/1992	K18XDC	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK
2	1821624064	Lê Văn Cường	08/09/1994	K18XDC	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	6.4	TBK
3	1821624749	Dương Văn Cường	02/03/1993	K18XDC	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	6.0	6.0	6.3	6.6	TBK
4	1821623836	Phạm Duy	07/03/1994	K18XDC	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.2	TBK
5	1821624060	Nguyễn Văn Dương	10/11/1994	K18XDC	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK
6	1821626009	Mai Văn Đắc	13/05/1993	K18XDC	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
7	1821624058	Lê Văn Hậu	21/04/1993	K18XDC	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK
8	1821625189	Nguyễn Tấn Hiền	30/11/1994	K18XDC	6.0	7.0	5.0	5.7	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	8.0	7.0	7.2	6.3	TBK
9	1821624061	Nguyễn Văn Hùng	08/12/1993	K18XDC	6.0	7.0	5.0	5.7	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	7.0	7.0	6.1	TBK
10	1821624068	Nguyễn Đăng Khoa	22/04/1994	K18XDC	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	6.0	TBK
11	1821625191	Bùi Xuân Hoàng Linh	01/02/1994	K18XDC	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.2	TBK
12	1821625646	Hà Quốc Nam	26/02/1994	K18XDC	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK
13	1821624069	Phạm Minh Nghĩa	23/11/1993	K18XDC	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK
14	1821624748	Lê Thy Nguyễn	29/12/1994	K18XDC	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.3	TBK
15	1821624067	Nguyễn Tấn Phương	12/06/1994	K18XDC	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK
16	1821625193	Ngô Thanh Quang	02/03/1994	K18XDC	6.0	7.0	6.0	6.2	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.3	TBK
17	1821625194	Lê Anh Quân	20/11/1992	K18XDC	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK
18	1821625645	Nguyễn Minh Tín	24/10/1994	K18XDC	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	K

19	1821624063	Lê Minh Tuấn	27/05/1994	K18XDC	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK
20	1821626008	Nguyễn Anh Tuấn	30/01/1994	K18XDC	6.0	7.0	5.0	5.7	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.2	TBK
21	1821624070	Bùi Văn Thanh	08/12/1993	K18XDC	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	8.0	7.3	6.9	TBK
22	1821623528	Hoàng Trung Thành	30/11/1994	K18XDC	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK
23	1821623529	Lê Văn Thọ	10/10/1994	K18XDC	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
24	1821626007	Nguyễn Đức Thông	16/03/1994	K18XDC	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK
25	1821625192	Mai Xuân Trường	01/01/1994	K18XDC	6.0	7.0	6.0	6.2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK
26	1821623530	Nguyễn Thanh Vũ	08/08/1993	K18XDC	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	6.5	TBK
1	1821614055	Nguyễn Văn An	15/02/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	8.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
2	1821614057	Ta Đăng Dũng	29/11/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	8.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	K
3	1821613524	Đặng Quốc Đạo	11/04/1994	K18CSU_XDD	8.0	9.0	6.0	7.2	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K
4	1821615187	Nguyễn Thành Đạt	24/03/1994	K18CSU_XDD	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	6.5	TBK
5	1821614038	Huỳnh Đoàn Huy	10/10/1994	K18CSU_XDD	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
6	1821615184	Đỗ Trọng Kỳ	10/02/1993	K18CSU_XDD	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	6.0	7.0	6.3	TBK
7	1821614742	Nguyễn Hoài Khanh	20/05/1994	K18CSU_XDD	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	7.0	7.5	6.8	TBK
8	1821614053	Trần Công Quốc Khánh	02/09/1993	K18CSU_XDD	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	6.0	7.0	6.2	TBK
9	1821414111	Nguyễn Phước Khương	12/04/1993	K18CSU_XDD	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
10	1821614044	Lê Vĩnh Lâm	24/10/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	9.0	7.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K
11	1821614048	Trần Hữu Lân	29/08/1993	K18CSU_XDD	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK
12	1821614056	Trang Hiếu Long	10/07/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	9.0	7.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K
13	1821614743	Nguyễn Đình Lợi	28/12/1993	K18CSU_XDD	8.0	9.0	8.0	8.2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	6.0	7.0	7.6	K
14	1821614050	Nguyễn Bá Nam	02/07/1994	K18CSU_XDD	7.0	9.0	5.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.7	TBK
15	1821615643	Nguyễn Ngọc Nghiêm	07/03/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	7.0	7.0	6.3	TBK
16	1821624066	Phạm Văn Nhó	25/08/1994	K18CSU_XDD	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K
17	1821613525	Nguyễn Đặng Nhật	01/06/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	8.0	6.0	7.0	6.7	TBK
18	1821613834	Nguyễn Văn Quốc	05/03/1994	K18CSU_XDD	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
19	1821614741	Lê Thái Sang	16/06/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	6.0	7.0	6.7	TBK
20	1821614036	Nguyễn Hùng Sơn	22/09/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	6.0	7.0	6.7	TBK
21	1821614042	Nguyễn Đức Tài	22/04/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	9.0	7.6	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K
22	1821614035	Mai Trung Tín	23/11/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
23	1821614040	Nguyễn Minh Tuấn	10/09/1993	K18CSU_XDD	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	8.0	7.0	7.2	6.8	TBK
24	1821614043	Trần Công Tuấn	19/06/1994	K18CSU_XDD					8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	7.0	6.0	6.5		KĐĐK
25	1821614047	Trần Đình Anh Tuấn	08/02/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK
26	1821615186	Lê Văn Tuấn	06/04/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	8.0	6.0	6.7	6.4	TBK
27	1821614740	Trần Thanh Tùng	26/04/1994	K18CSU_XDD	7.0	9.0	5.0	6.4	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	TBK

28	1821614039	Trần Văn	Thanh	14/08/1994	K18CSU_XDD					7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1		KĐĐK
29	1821613835	Nguyễn Châu	Thành	27/09/1988	K18CSU_XDD	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	8.0	6.0	6.7	6.4	TBK
30	1821614052	Trương Tất	Thành	14/07/1994	K18CSU_XDD	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK
31	1820614747	Hoàng Minh	Thùy	08/07/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	K
32	1821615644	Nguyễn Chon	Trọng	07/11/1992	K18CSU_XDD	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
33	1821614745	Trần Bùi Anh	Trường	05/08/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	8.0	7.0	7.2	6.7	TBK
34	1821614746	Phạm Văn	Vinh	08/12/1994	K18CSU_XDD	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	8.0	7.0	7.2	6.5	TBK
35	1821615188	Nguyễn Anh	Vũ	30/01/1994	K18CSU_XDD	7.0	9.0	8.0	7.9	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.9	TBK
1	1820233637	Đỗ Thị Hoàng	Anh	19/06/1994	K18PSU_QNH1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK
2	1821244897	Phạm Anh	Chí	22/05/1994	K18PSU_QNH1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	6.4	TBK
3	1820243652	Đặng Kiều	Duyên	25/08/1994	K18PSU_QNH1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
4	1821244303	Phạm Trung	Đạt	17/05/1994	K18PSU_QNH1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.4	TBK
5	1821244300	Phạm Trung	Hiếu	12/04/1994	K18PSU_QNH1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.3	TBK
6	1820243651	Nguyễn Lý Hồng	Hoa	10/09/1994	K18PSU_QNH1	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
7	1820243653	Phan Thị Ly	Ly	31/05/1994	K18PSU_QNH1					8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0		KĐĐK
8	1820243891	Trần Thị	Na	02/05/1994	K18PSU_QNH1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	6.0	6.4	6.2	TBK
9	1821243648	Lê Hữu Hoài	Nam	20/01/1994	K18PSU_QNH1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	6.4	TBK
10	1821244312	Đỗ Anh	Ngọc	18/03/1994	K18PSU_QNH1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	6.5	TBK
11	1820243890	Lê Thị Thùy	Nhi	28/02/1993	K18PSU_QNH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
12	1820244304	Trần Thị Quỳnh	Oanh	15/09/1994	K18PSU_QNH1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK
13	1821244903	Nguyễn Thanh	Phú	18/04/1994	K18PSU_QNH1	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK
14	1821243649	Trương Hoài Sinh	Phúc	12/05/1994	K18PSU_QNH1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	6.0	7.0	6.8	6.3	TBK
15	1820245706	Lê Lan	Phương	09/01/1994	K18PSU_QNH1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	7.0	6.0	6.5	6.7	TBK
16	1821243647	Nguyễn Hoàng	Quý	23/10/1994	K18PSU_QNH1									8.0	5.0				KĐĐK
17	1821244306	Võ Phi Hùng	Tiến	28/08/1994	K18PSU_QNH1					7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
18	1821243646	Ngô Quốc	Tuấn	28/05/1994	K18PSU_QNH1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.4	TBK
19	1821244302	Trần Duy	Tuấn	10/11/1994	K18PSU_QNH1					7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	5.0	7.0	6.6		KĐĐK
20	1821244314	Lê Anh	Tuấn	12/01/1994	K18PSU_QNH1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.5	TBK
21	1821244305	Doãn Duy	Thức	21/07/1994	K18PSU_QNH1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	7.0	6.8	6.4	TBK
22	1820243889	Đoàn Thị Minh	Trâm	05/09/1994	K18PSU_QNH1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
23	1820245879	Hoàng Thị Bích	Trâm	07/07/1993	K18PSU_QNH1	6.0		7.0						8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK
24	1820246067	Lê Duy Bảo	Trâm	16/05/1993	K18PSU_QNH1	6.0		5.0											KĐĐK
25	1820246224	Huỳnh Trương Ngọc	Trâm	19/08/1994	K18PSU_QNH1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
26	1820245709	Lê Thị Hương	Xuân	05/02/1994	K18PSU_QNH1	9.0	6.0	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.2	7.9	K
1	1820244307	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	01/01/1994	K18PSU_QNH2	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	5.0	8.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK

2	1821243650	Trần Công Huy	17/07/1994	K18PSU_QNH2	7.0	6.0	6.0	6.3	6.0	6.0	6.0	6.0	8.0	5.0	7.0	6.9	6.4	TBK
3	1820246226	Nguyễn Hoàng Bích Huyền	03/02/1994	K18PSU_QNH2	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	6.0	6.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.3	6.4	TBK
4	1821245710	Phạm Khải	20/09/1994	K18PSU_QNH2	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	5.0	6.0	5.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.3	TBK
5	1820244898	Lê Thảo Lan	11/03/1993	K18PSU_QNH2	8.0	7.0	9.0	8.3	6.0	6.0	9.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.7	K
6	1820244902	Phan Thị Thùy Linh	20/01/1994	K18PSU_QNH2					6.0	5.0	7.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9		KĐĐK
7	1821245355	Ngô Ngọc Linh	17/06/1994	K18PSU_QNH2	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	5.0	5.0	5.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.2	TBK
8	1820244904	Lê Thị Diệu My	23/06/1994	K18PSU_QNH2	8.0	5.0	8.0	7.4	6.0	6.0	9.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
9	1820244310	Nguyễn Đăng Thanh Nguyên	25/01/1994	K18PSU_QNH2	8.0	5.0	7.0	6.9	6.0	5.0	8.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
10	1820244313	Võ Lê Thanh Nhân	14/04/1993	K18PSU_QNH2	8.0	5.0	7.0	6.9	6.0	6.0	7.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
11	1820244900	Nguyễn Minh Huệ Phương	05/02/1994	K18PSU_QNH2	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	5.0	7.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK
12	1820244901	Lưu Thị Thanh Tâm	08/08/1993	K18PSU_QNH2	8.0	5.0	6.0	6.4	6.0	5.0	8.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK
13	1821245353	Kiều Gia Thịnh	09/06/1994	K18PSU_QNH2	8.0	5.0	8.0	7.4	6.0	5.0	8.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
14	1820244309	Phạm Nguyễn Minh Trang	26/01/1994	K18PSU_QNH2	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	6.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
15	1820244315	Nguyễn Thị Kiều Trang	03/05/1993	K18PSU_QNH2	8.0	6.0	6.0	6.6	6.0	6.0	7.0	6.5						KĐĐK
16	1820246321	Huỳnh Bích Trâm	20/08/1994	K18PSU_QNH2	8.0	6.0			6.0	6.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK
17	1821246227	Lương Mậu Trung	28/11/1994	K18PSU_QNH2	8.0	1.0	9.0		6.0	5.0	7.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9		KĐĐK
18	1821244899	Nguyễn Đình Quốc Việt	20/02/1993	K18PSU_QNH2	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	5.0	7.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK
19	1820244308	Nguyễn Hải Yến	26/12/1994	K18PSU_QNH2	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	5.0	8.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
1	1821716238	Lý Phạm Anh	29/12/1993	K18PSU_DLK1					8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1		KĐĐK
2	1820716095	Phùng Thị Diễm	14/04/1994	K18PSU_DLK1	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
3	1821716669	Mai Văn Hùng	15/02/1994	K18PSU_DLK1	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK
4	1821716463	Trương Lê Gia Huy	12/08/1994	K18PSU_DLK1	7.0	5.0	8.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
5	1820713713	Hoàng Lan Hương	22/04/1994	K18PSU_DLK1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
6	1820715413	Lê Hoàng Việt Khanh	12/11/1994	K18PSU_DLK1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
7	1820714402	Lương Thị Thúy Liễu	29/05/1994	K18PSU_DLK1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
8	1820714408	Phùng Thị Hồng Linh	26/05/1994	K18PSU_DLK1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	6.8	TBK
9	1820713710	Nguyễn Thị Hiền Minh	25/09/1994	K18PSU_DLK1	8.0	1.0	5.0		8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6		KĐĐK
10	1820716461	Tôn Nữ Trà My	12/09/1993	K18PSU_DLK1	7.0	1.0	6.0		8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8		KĐĐK
11	1820714403	Nguyễn Kim Ngân	01/01/1994	K18PSU_DLK1	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK
12	1820715410	Hoàng Thị Mỹ Ngọc	03/10/1994	K18PSU_DLK1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
13	1820714415	Huỳnh Thị Yến Nhi	05/05/1994	K18PSU_DLK1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
14	1820714409	Đặng Ngọc Quỳnh Như	12/01/1994	K18PSU_DLK1	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K
15	1820713707	Trần Thị Diệu Phương	13/07/1994	K18PSU_DLK1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.5	TBK
16	1820716098	Phạm Hạ Quyên	05/06/1993	K18PSU_DLK1	8.0	5.0	8.0	7.4	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK

17	1820714960	Nguyễn Thị Cẩm Tú	12/11/1994	K18PSU_DLK1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.3	TBK
18	1821715415	Nguyễn Đức Tuấn	16/07/1994	K18PSU_DLK1	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK
19	1820714411	Đoàn Phương Thảo	20/08/1994	K18PSU_DLK1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	6.0	7.0	6.5	TBK
20	1820714957	Bùi Huỳnh Nguyên Thuy	31/03/1994	K18PSU_DLK1	7.0	5.0	8.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
21	1820715419	Hồ Thị Trâm	18/09/1994	K18PSU_DLK1	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK
22	1820714405	Nguyễn Huỳnh Thùy Trinh	06/05/1994	K18PSU_DLK1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
23	1820715416	Lê Hoàng Uyên	21/11/1994	K18PSU_DLK1	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK
24	1820715411	Nguyễn Thị Cẩm Vân	26/09/1994	K18PSU_DLK1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	5.0	6.5	6.2	TBK
25	1821716693	Cao Quảng Nguyên Vũ	17/03/1994	K18PSU_DLK1	8.0	1.0	5.0		8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5		KĐĐK
26	1820713711	Phan Thái Hoàng Vy	31/12/1994	K18PSU_DLK1	9.0	7.0	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	G
27	1820715409	Lê Thị Xuân	09/06/1994	K18PSU_DLK1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.2	TBK
1	1820715418	Trương Nữ Lan Anh	17/02/1994	K18PSU_DLK2	8.0	1.0	6.0		8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8		KĐĐK
2	1821714400	Trần Văn Bình	30/03/1994	K18PSU_DLK2	8.0	9.0	7.0	7.7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
3	1820716635	Phan Thị Ngọc Châu	02/11/1994	K18PSU_DLK2	8.0	9.0	6.0	7.2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	6.0	7.0	7.3	K
4	1820714406	Trần Thị Diễm	16/01/1994	K18PSU_DLK2	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
5	1821714965	Vân Nguyễn Nhật Hằng	21/08/1994	K18PSU_DLK2	8.0	9.0	9.0	8.7	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.6	K
6	1820715741	Trần Anh Hoa	02/08/1994	K18PSU_DLK2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
7	1821713712	Bùi Minh Huy	12/11/1994	K18PSU_DLK2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
8	1820715412	Nguyễn Thị Diệu Huyền	01/08/1994	K18PSU_DLK2	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	G
9	1820713715	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	14/04/1994	K18PSU_DLK2	8.0	0.0	7.0		8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK
10	1820714958	Trần Mỹ Linh	12/07/1994	K18PSU_DLK2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	G
11	1820716524	Đỗ Nhật Linh	31/10/1994	K18PSU_DLK2	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
12	1821713708	Nguyễn Văn Minh	08/03/1994	K18PSU_DLK2	7.0	8.0	9.0	8.2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.8	K
13	1820354430	Đỗ Thục Huyền My	16/02/1994	K18PSU_DLK2	8.0	1.0	7.0		8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK
14	1820714962	Lê Thị My My	31/07/1994	K18PSU_DLK2	8.0	1.0	7.0		8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	6.0	7.0		KĐĐK
15	1820716096	Nguyễn Thị Ái My	19/05/1993	K18PSU_DLK2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	G
16	1820714956	Hồ Thị Kim Nga	09/02/1994	K18PSU_DLK2	8.0	1.0	9.0		8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK
17	1820713714	Phan Thị Kim Ngân	16/09/1994	K18PSU_DLK2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K
18	1820714961	Đỗ Hoàng Nguyên	06/05/1994	K18PSU_DLK2	8.0	9.0	8.0	8.2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.8	K
19	1821715414	Hoàng Thảo Nguyên	18/04/1994	K18PSU_DLK2	7.0	9.0	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K
20	1820714410	Phạm Thị Mỹ Nhật	06/02/1994	K18PSU_DLK2	8.0	5.0	9.0	7.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.7	K
21	1820714413	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	26/06/1994	K18PSU_DLK2	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
22	1820714959	Phan Thị Hoài Phương	05/08/1994	K18PSU_DLK2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.3	K

23	1820214859	Nguyễn	Trần Tú	Quyên	26/08/1994	K18PSU_DLK2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	K
24	1820716462	Đào	Mai Như	Quỳnh	28/08/1994	K18PSU_DLK2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
25	1821714412	Trương	Nguyễn Công	Tài	27/07/1994	K18PSU_DLK2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.3	K
26	1820716099	Dương	Từ Thị Ngọc	Tiên	14/05/1994	K18PSU_DLK2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
27	1821714398	Cao	Hữu	Tín	21/07/1994	K18PSU_DLK2	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
28	1820716097	Nguyễn	Thị Thanh	Tĩnh	25/12/1994	K18PSU_DLK2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	G
29	1820716460	Phạm	Đoàn Tú	Tú	17/11/1994	K18PSU_DLK2	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
30	1820714401	Phạm	Thị	Tường	01/03/1994	K18PSU_DLK2	8.0	1.0	7.0		7.0	6.0	8.0	7.3	7.0	8.0	7.0	7.2		KĐĐK
31	1820713705	Phạm	Thị	Thảo	24/10/1994	K18PSU_DLK2	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K
32	1820714399	Đinh	Thị Phương	Thảo	10/03/1994	K18PSU_DLK2	8.0	1.0	7.0		8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5		KĐĐK
33	1820714963	Tổng	Thị Xuân	Thùy	17/10/1994	K18PSU_DLK2	8.0	1.0	7.0		8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5		KĐĐK
34	1820714414	Nguyễn	Thị Thùy	Trang	17/03/1994	K18PSU_DLK2	8.0	9.0	9.0	8.7	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	9.0	7.0	7.7	7.8	K
35	1821715417	Lê	Trung Bảo	Trọng	13/03/1994	K18PSU_DLK2	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK
36	1820716343	Nguyễn	Thị Cẩm	Vân	09/07/1994	K18PSU_DLK2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	K
37	1821713706	Nguyễn	Hoàng	Việt	27/09/1993	K18PSU_DLK2	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0		6.0			KĐĐK
38	1820714964	Phan	Thị Xuân	Vy	30/06/1994	K18PSU_DLK2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K
1	1821114703	Nguyễn	Văn	Danh	02/08/1992	K18CMU_TMT	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
2	1821113979	Quảng	Minh	Hiếu	01/07/1994	K18CMU_TMT	8.0	6.0	9.0	8.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K
3	1821114704	Lê	Trọng	Hoàng	20/01/1994	K18CMU_TMT					8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	7.0	7.0	7.0		KĐĐK
4	1821113976	Võ	Trọng Quang	Huy	09/07/1994	K18CMU_TMT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.0	TBK
5	1821113977	Trần	Tuấn	Huy	11/05/1994	K18CMU_TMT	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0		6.0			KĐĐK
6	1821113507	Lê	Minh	Hung	15/05/1993	K18CMU_TMT	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	6.0	6.3	6.0	TBK
7	1821113975	Trần	Minh	Hung	25/06/1994	K18CMU_TMT	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
8	1821114706	Trương	Lê Hoàng	Long	28/10/1994	K18CMU_TMT	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	2.0		7.0	8.0	6.0	6.7		KĐĐK
9	1821113978	Nguyễn	Lê	Nghĩa	30/11/1994	K18CMU_TMT	8.0	5.0	9.0	7.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
10	1821114705	Hà	Minh	Nguyên	11/09/1993	K18CMU_TMT	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK
11	1821113506	Phạm	Minh	Nhơn	12/11/1994	K18CMU_TMT					7.0	5.0	5.0	5.6	7.0		5.0			KĐĐK
12	1821114707	Nguyễn	Hoàng	Quang	01/08/1994	K18CMU_TMT	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	7.0	6.0	6.5	6.2	TBK
13	1821114699	Nguyễn	Văn Trung	Tín	15/08/1994	K18CMU_TMT	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	6.8	TBK
14	1821114708	Nguyễn	Song	Toàn	26/12/1993	K18CMU_TMT	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
15	1821114702	Ngô	Trung	Thông	28/10/1994	K18CMU_TMT	8.0	5.0	9.0	7.9	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K
16	1821113505	Nguyễn	Duy	Trình	02/06/1994	K18CMU_TMT	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
1	1821616198	Nguyễn	Đức	Anh	14/01/1993	K18XDD1	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK
2	1821614007	Lê	Thế	Bình	01/01/1994	K18XDD1	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.6	TBK

3	1821614006	Phan Ngọc	Công	05/02/1994	K18XDD1	7.0	5.0	8.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	6.0	6.4	6.6	TBK
4	1821264947	Nguyễn Mạnh	Cường	18/03/1993	K18XDD1	7.0	5.0	8.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.6	TBK
5	1821614735	Trần Thế	Duy	08/03/1993	K18XDD1	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	6.7	TBK
6	1821615169	Phan Tấn	Đạt	01/02/1994	K18XDD1	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	7.0	6.9	6.5	TBK
7	1821615829	Nguyễn Phong	Định	07/09/1993	K18XDD1	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK
8	1821615996	Phan Hoàng Thành	Đức	28/06/1994	K18XDD1	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	6.5	TBK
9	1821615181	Trần Văn	Hòa	20/08/1994	K18XDD1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.2	TBK
10	1821613825	Lê Mạnh	Hùng	04/09/1994	K18XDD1	7.0	9.0	5.0	6.4	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.3	TBK
11	1821614024	Võ Văn	Hùng	06/08/1993	K18XDD1	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0				KĐĐK
12	1821616419	Trần Quốc	Khánh	01/06/1994	K18XDD1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.4	TBK
13	1821614731	Hồ Duy	Linh	16/12/1994	K18XDD1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
14	1821613522	Đoàn Công	Lộc	30/11/1994	K18XDD1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK
15	1821616000	Trương Phước Hoài	Lợi	28/03/1994	K18XDD1	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
16	1821614027	Huỳnh Tấn	Lực	19/07/1994	K18XDD1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK
17	1821613830	Lê Vũ Hồng	Minh	18/10/1993	K18XDD1	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	7.3	K
18	1821614028	Trần Văn	Nam	01/01/1994	K18XDD1	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.6	TBK
19	1821615177	Đình Duy	Nguyên	31/12/1994	K18XDD1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.3	TBK
20	1821615999	Mai Văn	Nhật	10/06/1993	K18XDD1	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK
21	1821615175	Nguyễn Ngọc	Phong	21/07/1993	K18XDD1	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
22	1820615171	Huỳnh Như	Phương	24/06/1994	K18XDD1	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
23	1821614025	Võ Huy	Quang	30/09/1994	K18XDD1	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
24	1821614031	Trần Đình	Quy	22/07/1994	K18XDD1	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK
25	1821614732	Nguyễn Việt	Sĩ	02/09/1994	K18XDD1					8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4		KĐĐK
26	1821613828	Lê Văn	Tài	22/08/1994	K18XDD1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.3	TBK
27	1821614733	Nguyễn Hồng	Tân	22/12/1994	K18XDD1	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.7	TBK
28	1821615638	Lê Đình	Tiến	02/09/1994	K18XDD1	7.0	9.0	6.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK
29	1821616004	Lê Chí	Toàn	19/12/1994	K18XDD1	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK
30	1821613826	Lê Anh	Tuấn	07/11/1994	K18XDD1	7.0	8.0	6.0	6.7	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	6.0	6.0	6.3	6.4	TBK
31	1821614005	Nguyễn Đức	Tự	28/08/1994	K18XDD1	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	5.0	6.0	6.1	6.3	TBK
32	1821615172	Nguyễn Văn	Thạch	08/08/1993	K18XDD1	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
33	1821614015	Hoàng Minh	Thành	01/01/1993	K18XDD1	7.0	5.0	8.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.9	TBK
34	1821614730	Huỳnh Ngọc	Thuận	20/08/1994	K18XDD1	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK
35	1821613519	Võ Tấn	Triều	17/07/1992	K18XDD1	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
36	1821616003	Nguyễn Đức	Vinh	12/08/1994	K18XDD1	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
37	1821614725	Lê Văn	Vương	21/12/1994	K18XDD1	7.0	5.0	3.0		8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1		KĐĐK

1	1821615173	Bùi Văn Bình	22/10/1994	K18XDD2	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.2	TBK
2	1821615160	Võ Chí Công	22/10/1987	K18XDD2	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK
3	1821166681	Mai Đình Chín	31/12/1993	K18XDD2	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.3	TBK
4	1821615178	Huỳnh Thế Dương	26/06/1994	K18XDD2	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.3	TBK
5	1821614738	Nguyễn Văn Đại	08/04/1994	K18XDD2	7.0	8.0	5.0	6.2	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.3	TBK
6	1821614004	Huỳnh Hải Đông	01/03/1993	K18XDD2	7.0	5.0	7.0	6.6	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.3	TBK
7	1821616001	Trương Thái Hòa	01/10/1993	K18XDD2	7.0	8.0	8.0	7.7	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	8.0	7.6	7.1	K
8	1821615831	Nguyễn Quang Hùng	10/06/1993	K18XDD2	7.0	9.0	6.0	6.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK
9	1821615182	Nguyễn Phước Bảo Hỷ	04/08/1993	K18XDD2	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK
10	1821614020	Lý Anh Khoa	05/02/1994	K18XDD2	7.0	9.0	8.0	7.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK
11	1821614026	Ngô Nhật Linh	20/06/1994	K18XDD2	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
12	1821615997	Nguyễn Hoàng Long	30/12/1993	K18XDD2	7.0	8.0	5.0	6.2	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.2	TBK
13	1821614011	Nguyễn Mai Hữu Lộc	01/03/1994	K18XDD2	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	7.1	K
14	1821616287	Lê Hữu Lực	24/10/1994	K18XDD2	7.0	9.0	7.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK
15	1821616002	Lê Anh Minh	02/06/1994	K18XDD2	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.3	TBK
16	1821615165	Lê Hữu Nghi	02/09/1994	K18XDD2	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	6.3	TBK
17	1821616418	Võ Văn Nguyên	26/09/1994	K18XDD2	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	7.0	6.9	6.2	TBK
18	1821614008	Triệu Đại Nhân	24/07/1994	K18XDD2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	7.0	6.9	6.2	TBK
19	1821613520	Nguyễn Văn Phước	12/08/1994	K18XDD2	7.0	0.0	6.0		7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	6.0	6.5		KĐĐK
20	1821613824	Hồ Hữu Quân	18/09/1994	K18XDD2	7.0	5.0	8.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
21	1821616006	Nguyễn Thanh Quý	20/04/1993	K18XDD2	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0		6.0			KĐĐK
22	1821614012	Hồ Thành Quyết	08/07/1993	K18XDD2	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK
23	1821614030	Võ Thành Tâm	24/04/1994	K18XDD2	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.3	TBK
24	1821614018	Phan Bùi Thanh Tân	14/04/1993	K18XDD2	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.1	TBK
25	1821613832	Trần Anh Tôn	10/01/1993	K18XDD2	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK
26	1821615166	Trần Anh Tú	02/02/1993	K18XDD2	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.7	TBK
27	1821613521	Nguyễn Minh Tuấn	23/05/1993	K18XDD2	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK
28	1821615639	Nguyễn Tiến Thành	22/05/1991	K18XDD2	7.0	5.0	6.0	6.1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.1	TBK
29	1821614739	Nguyễn Minh Thắng	21/06/1994	K18XDD2	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK
30	1821614014	Nguyễn Đình Thân	20/01/1994	K18XDD2	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK
31	1821614727	Nguyễn Văn Thường	07/04/1994	K18XDD2	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	6.3	TBK
32	1821613831	Nguyễn Chi Vinh	24/01/1994	K18XDD2	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
1	1821615170	Lê Minh Ánh	28/06/1994	K18XDD3	7.0	0.0	8.0		7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	7.0	6.9		KĐĐK
2	1821615185	Huỳnh Thanh Bình	15/03/1993	K18XDD3	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	6.7	TBK
3	1821614013	Trương Văn Cương	05/03/1994	K18XDD3	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK

4	1821614729	Nguyễn	Nho	Duy	11/12/1993	K18XDD3									7.0	6.0	7.0	6.8		KĐĐK
5	1821614033	Lê	Văn	Đạt	07/09/1994	K18XDD3	7.0	8.0	7.0	7.2	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	6.0	5.0	6.1	6.4	TBK
6	1821614032	Nguyễn	Văn	Đình	09/03/1994	K18XDD3	7.0	9.0	6.0	6.9	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.7	TBK
7	1821614023	Nguyễn	Hồng	Hải	14/08/1994	K18XDD3	7.0	9.0	6.0	6.9	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
8	1821615161	Trần	Trung	Hiếu	12/06/1994	K18XDD3	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	6.9	TBK
9	1821615174	Đỗ	Trung	Hoàng	15/10/1994	K18XDD3	7.0	9.0	8.0	7.9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
10	1821623527	Nguyễn	Quang	Khánh	24/01/1993	K18XDD3	7.0	6.0	6.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK
11	1821613821	Nguyễn	Trương	Linh	07/09/1994	K18XDD3	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K
12	1821615167	Võ	Hoàng	Long	11/07/1994	K18XDD3	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.7	TBK
13	1820615183	Trịnh	Khánh	Lộc	19/04/1994	K18XDD3	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	8.0	7.5	6.9	TBK
14	1821614736	Phan	Huy	Lực	23/08/1994	K18XDD3	7.0	8.0	5.0	6.2	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.5	TBK
15	1821615998	Lê	Hà	Nam	04/01/1993	K18XDD3	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	6.0	6.0	6.3	6.4	TBK
16	1821614046	Văn	Viết	Ngọc	10/04/1994	K18XDD3	7.0	8.0	7.0	7.2	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K
17	1821614728	Đoàn	Văn	Nhân	17/09/1993	K18XDD3	7.0	9.0	6.0	6.9	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.5	TBK
18	1821614017	Nguyễn	Anh	Nhật	14/10/1994	K18XDD3									7.0	6.0	5.0	5.8		KĐĐK
19	1821614010	Huỳnh	Tuấn	Phong	26/10/1993	K18XDD3									7.0	6.0	6.0	6.3		KĐĐK
20	1821615179	Lê	Văn	Quốc	03/07/1994	K18XDD3	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK
21	1821615168	Dương	Hiền	Son	01/05/1994	K18XDD3	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK
22	1821616288	Lê	Ngọc Thiên	Tân	28/09/1994	K18XDD3	7.0	7.0	8.0	7.5	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
23	1821614022	Nguyễn	Văn	Tân	26/10/1994	K18XDD3	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.9	TBK
24	1821616005	Lê	Hoàng	Tiến	23/02/1993	K18XDD3	7.0	9.0	7.0	7.4	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK
25	1821615180	Huỳnh	Công	Tịnh	04/06/1994	K18XDD3	7.0	9.0	6.0	6.9	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.5	TBK
26	1821614021	Huỳnh	Ngọc	Tuấn	04/11/1994	K18XDD3	6.0		5.0		8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	5.0	6.0	6.1		KĐĐK
27	1821614726	Trần	Thiện	Thanh	01/01/1994	K18XDD3	7.0	9.0	7.0	7.4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
28	1821613829	Phan	Văn	Thành	14/06/1994	K18XDD3	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	6.0	7.0	6.8	7.0	K
29	1821614019	Huỳnh	Ngọc	Thắng	14/06/1994	K18XDD3	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
30	1821615830	Tào	Quang	Thắng	20/09/1994	K18XDD3	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.5	TBK
31	1821614034	Nguyễn	Quý	Thọ	31/07/1994	K18XDD3	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	5.0	7.0	6.6	6.3	TBK
32	1821616286	Nguyễn	Thanh	Trà	06/11/1994	K18XDD3	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	6.6	TBK
33	1821613518	Đào	Ngọc	Vinh	20/01/1993	K18XDD3	7.0	9.0	6.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0	7.1	K
34	1821613822	Trần	Mạnh	Vinh	16/08/1994	K18XDD3	7.0	5.0	8.0	7.1	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0		7.0			KĐĐK
1	1820636426	Trần	Bào	Châu	26/09/1994	K18KMT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	8.0	7.0	7.5	6.6	TBK
2	1821634167	Lê	Minh	Đạt	27/09/1994	K18KMT	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.1	TBK
3	1821635855	Hoàng	Ngọc	Đạt	15/12/1993	K18KMT	7.0	5.0	5.0	5.6	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	6.0	7.0	6.8	5.9	TB
4	1821634807	Võ	Hồng	Đức	02/03/1994	K18KMT	7.0	5.0	5.0	5.6	6.0	5.0	5.0	5.3	8.0	7.0	6.0	6.8	5.9	TB

5	1821635854	Nguyễn Hữu Đức	Đức	31/01/1993	K18KMT	7.0	5.0	5.0	5.6	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	7.0	6.0	6.5	5.8	TB
6	1820636034	Phan Thị Kim Giang	Giang	28/09/1994	K18KMT	8.0	5.0	8.0	7.4	6.0	5.0	5.0	5.3	7.0	8.0	6.0	6.7	6.5	TBK
7	1820635265	Võ Thị Bảo Hải	Hải	14/11/1993	K18KMT	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	5.0	5.0	5.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.2	TBK
8	1820636300	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Hằng	06/09/1994	K18KMT	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
9	1821634170	Trần Đình Hân	Hân	05/07/1993	K18KMT	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	6.0	7.0	6.8	6.0	TBK
10	1821635673	Nguyễn Đình Hiếu	Hiếu	02/04/1993	K18KMT	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	6.0	6.0	6.3	6.1	TBK
11	1821634805	Hà Học Khải	Khải	29/10/1994	K18KMT	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	8.0	8.0	7.7	6.9	TBK
12	1821634168	Phan Đức Nam	Nam	29/06/1991	K18KMT	7.0	8.0	6.0	6.7	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	9.0	8.0	7.9	6.8	TBK
13	1820635262	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nhung	21/01/1994	K18KMT	7.0	7.0	5.0	6.0	6.0	5.0	5.0	5.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	TBK
14	1821636031	Võ Đăng Quang	Quang	08/09/1994	K18KMT	7.0	7.0	6.0	6.5	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.5	TBK
15	1821634169	Hoàng Văn Sáu	Sáu	05/06/1994	K18KMT	7.0	7.0	5.0	6.0	7.0	5.0	5.0	5.6	7.0	8.0	7.0	7.2	6.3	TBK
16	1821635676	Nguyễn Đức Tín	Tín	20/09/1994	K18KMT	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	7.0	7.0	7.0	6.2	TBK
17	1821636033	Đặng Việt Tú	Tú	14/07/1993	K18KMT	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	7.0	5.0	6.0	5.8	TB
1	1810514656	Ngô Thị Kiều Anh	Anh	03/10/1994	K18YCD1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.5	TBK
2	1811515964	Phạm Quý Bảo	Bảo	17/01/1994	K18YCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.4	TBK
3	1810516610	Võ Thị Đức	Đức	07/09/1993	K18YCD1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.7	TBK
4	1810514652	Trần Thu Hà	Hà	25/09/1994	K18YCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	5.0	6.5	6.5	TBK
5	1810516611	Võ Giang Hà	Hà	13/04/1991	K18YCD1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	5.0	6.5	7.1	K
6	1810516171	Võ Thị Hạnh	Hạnh	02/01/1994	K18YCD1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
7	1810516507	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Hằng	25/01/1994	K18YCD1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K
8	1810515106	Nguyễn Thị Thu Hiền	Hiền	20/12/1994	K18YCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
9	1810515807	Lê Thị Thu Hiền	Hiền	01/01/1993	K18YCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.7	TBK
10	1810515808	Đặng Thị Ngọc Hiền	Hiền	15/02/1994	K18YCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
11	1810514657	Nguyễn Thị Hoàng	Hoàng	22/12/1994	K18YCD1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	K
12	1811516655	Nguyễn Hữu Hoàng	Hoàng	11/09/1992	K18YCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
13	1810515598	Huỳnh Thị Bích Hoanh	Hoanh	02/02/1993	K18YCD1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
14	1810515604	Nguyễn Thị Huế	Huế	18/12/1994	K18YCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
15	1810515605	Trần Mai Hương	Hương	11/11/1994	K18YCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.5	TBK
16	1810514654	Nguyễn Thị Kiêm	Kiêm	04/06/1994	K18YCD1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	K
17	1810515103	Huỳnh Thị Kiều	Kiều	19/04/1993	K18YCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK
18	1810514651	Nguyễn Thị Lành	Lành	16/04/1994	K18YCD1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
19	1810515965	Lê Thị Lành	Lành	06/07/1994	K18YCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	9.0	7.0	7.7	7.1	K
20	1810514655	Nguyễn Thị Thùy Linh	Linh	06/01/1994	K18YCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.5	TBK
21	1810515099	Ngô Đình Mỹ Linh	Linh	19/03/1994	K18YCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	7.0	6.9	6.4	TBK
22	1810515595	Lương Thị Mỹ Linh	Linh	20/06/1994	K18YCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K

23	1810513962	Trần Thị Loan	30/06/1994	K18YCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
24	1810515608	Nguyễn Thị Lưu	12/08/1994	K18YCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
25	1810516724	Biện Thị Trà Mi	14/08/1993	K18YCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	5.0	6.5	6.8	TBK
26	1810515100	Nguyễn Thị Kiều My	20/09/1994	K18YCD1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.5	K
27	1810515602	Thái Thị Kiều My	16/02/1994	K18YCD1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	7.0	5.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
1	1810516677	Trần Thị Mỹ Nữ	25/02/1994	K18YCD2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
2	1810515105	Lê Thị Nguyệt	15/01/1994	K18YCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
3	1810516177	Ngô Nữ Nhất	10/11/1994	K18YCD2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	6.4	TBK
4	1810515810	Võ Thị Thùy Nhung	27/09/1994	K18YCD2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.6	K
5	1810516176	Đỗ Thị Hồng Nhung	09/04/1994	K18YCD2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	7.0	6.9	6.7	TBK
6	1810515610	Trần Thị Hoài Như	18/03/1994	K18YCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
7	1810514663	Hồ Phan Kiều Oanh	19/11/1994	K18YCD2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
8	1810516407	Đoàn Thị Oanh	10/02/1994	K18YCD2	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK
9	1810516174	Hoàng Hồng Phương	29/11/1994	K18YCD2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
10	1810514661	Lê Ánh Phượng	24/03/1993	K18YCD2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.7	TBK
11	1810514660	Lê Thị Quý	19/11/1993	K18YCD2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	6.6	TBK
12	1810515968	Lê Thị Phương Quỳnh	03/05/1993	K18YCD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	5.0	5.9	6.1	TBK
13	1810515609	Nguyễn Thị Hữu Tinh	15/10/1993	K18YCD2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
14	1810514658	Võ Thị Thu Thảo	05/03/1994	K18YCD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK
15	1810514659	Nguyễn Thị Thu Thảo	28/07/1994	K18YCD2	8.0	8.0			8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK
16	1810515967	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/10/1994	K18YCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.5	TBK
17	1810515969	Nguyễn Thị Thu	18/10/1993	K18YCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
18	1810516506	Tăng Thị Thủy	16/04/1993	K18YCD2	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK
19	1811516172	Nguyễn Thái Thủy	13/09/1994	K18YCD2	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	6.0	7.0	6.7	TBK
20	1810513963	Phan Thị Thanh Thúy	06/08/1993	K18YCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
21	1810515597	Phan Thị Diễm Thúy	01/01/1994	K18YCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
22	1810514653	Phan Kiều Trang	09/10/1994	K18YCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	6.7	TBK
23	1810515107	Nguyễn Thùy Trang	26/02/1994	K18YCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
24	1810516406	Trần Thị Kiều Trinh	01/03/1994	K18YCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	6.3	TBK
25	1810514662	Nguyễn Khánh Vân	07/04/1994	K18YCD2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	K
26	1811515809	Nguyễn Văn Vũ	19/02/1994	K18YCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	6.5	TBK
27	1810515603	Nguyễn Thị Kim Yên	26/03/1994	K18YCD2	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK
1	1810713754	Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh	28/07/1994	K18DCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
2	1810715050	Hoàng Thị Lan Anh	10/08/1993	K18DCD1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
3	1810714533	Nguyễn Thị Cẩm	19/11/1994	K18DCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.7	TBK

4	1810716382	Võ Thị Thanh Hiền	Diệu	30/01/1994	K18DCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
5	1810715934	Nguyễn Thị	Duyên	23/08/1994	K18DCD1	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
6	1811715790	Tạ Quang	Hà	27/03/1993	K18DCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
7	1810716600	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	06/11/1994	K18DCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK
8	1811715048	Bùi Gia	Hoàng	04/09/1994	K18DCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK
9	1810715518	Trần Thị Minh	Huệ	10/10/1993	K18DCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	7.2	K
10	1811715535	Nguyễn Hữu Nhật	Huy	20/06/1994	K18DCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	TBK
11	1810714551	Phạm Thị Thanh	Huyền	06/11/1994	K18DCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
12	1810714544	Võ Thị	Lành	26/12/1994	K18DCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
13	1810715789	Trần Thị Kiều	My	20/12/1994	K18DCD1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
14	1811714578	Đào Ngọc	Mỹ	26/10/1994	K18DCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
15	1810714546	Phan Kim	Ngân	25/06/1994	K18DCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	6.5	TBK
16	1810715504	Hồ Thị Hồng	Nhi	23/03/1994	K18DCD1	6.0	7.0	7.0	6.7	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	6.4	TBK
17	1810714538	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Nhung	26/10/1994	K18DCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
18	1810715035	Trần Thị Thảo	Nhung	15/03/1994	K18DCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	6.0	7.0	6.6	TBK
19	1811714556	Hoàng Vũ Huỳnh	Oanh	03/12/1994	K18DCD1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.1	TBK
20	1810715937	Bùi Thị Thiện	Phúc	02/04/1994	K18DCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
21	1810716384	Phan Thị Thủy	Phuong	14/02/1993	K18DCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
22	1811716493	Hoàng Liên	Son	18/08/1993	K18DCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
23	1810714568	Võ Thanh	Tuyền	25/04/1993	K18DCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
24	1810716143	Lê Phạm Phương	Thảo	25/06/1994	K18DCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
25	1810716261	Phan Thị Diễm	Thảo	23/10/1994	K18DCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	6.0	6.4	6.5	TBK
26	1811714550	Trần Ngọc	Thi	15/09/1994	K18DCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
27	1810713755	Hồ Bảo	Thoa	16/11/1994	K18DCD1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	7.1	K
28	1810714557	Lê Thị Hoàng	Thu	24/11/1994	K18DCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
29	1810715520	Trình Hoàng Hoài	Thương	05/01/1994	K18DCD1	6.0	8.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
30	1810715536	Huỳnh Thị Bảo	Trâm	01/06/1994	K18DCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
31	1810715517	Trần Thị Tú	Uyên	29/03/1994	K18DCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK
32	1810716685	Hồ Nguyễn Thảo	Uyên	22/07/1994	K18DCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.6	TBK
33	1810714565	Võ Thị Ái	Vân	05/02/1994	K18DCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
34	1811714540	Đỗ Văn	Vũ	02/08/1992	K18DCD1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.1	TBK
1	1810713941	Nguyễn Trần Phương	Anh	13/11/1994	K18DCD2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
2	1811716139	Dương Tấn	Cường	21/03/1994	K18DCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0	K

3	1810714547	Nguyễn	Giang	Châu	15/09/1994	K18DCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
4	1810715529	Lê	Kim	Đài	10/10/1994	K18DCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
5	1811715036	Lê	Viết	Hải	03/08/1994	K18DCD2	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.3	TBK
6	1810713939	Ngô	Thị Thanh	Hằng	22/01/1994	K18DCD2	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K
7	1810715788	Phan	Thị Diệu	Hiền	07/08/1994	K18DCD2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
8	1811714575	Nguyễn	Văn	Hùng	10/02/1992	K18DCD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	6.0	7.0	6.8	6.8	TBK
9	1811715784	Võ	Trần Tuấn	Kiệt	19/01/1993	K18DCD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
10	1811716494	Lê	Anh	Kha	13/11/1994	K18DCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK
11	1810715039	Hoàng	Thị Thanh	Lan	31/01/1994	K18DCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
12	1810715037	Lê	Thị Tùng	Ly	24/04/1993	K18DCD2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	G
13	1810713942	Nguyễn	Thị Họa	Mi	05/02/1993	K18DCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK
14	1811713759	Lê	Thanh	Nam	22/08/1993	K18DCD2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
15	1810715546	Nguyễn	Thùy Ni	Ni	12/11/1994	K18DCD2	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.5	TBK
16	1810714560	Nguyễn	Thị Lam	Ngọc	02/12/1994	K18DCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
17	1810716383	Lương	Thị Tuyết	Nhi	22/06/1994	K18DCD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.7	TBK
18	1810716674	Phan	Thị Lệ	Nhớ	20/01/1994	K18DCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
19	1810716148	Nguyễn	Thị Tuyết	Nhung	10/04/1994	K18DCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	6.5	TBK
20	1810715532	Trương	Thị Thanh	Phước	19/05/1994	K18DCD2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
21	1811715515	Nguyễn	Viết	Tài	17/09/1994	K18DCD2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.6	TBK
22	1811716601	Trần	Thanh	Tiền	01/11/1993	K18DCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	5.0	7.0	6.3	6.0	7.0	6.0	6.2	6.2	TBK
23	1810715527	Lê	Thị Mộng	Tuyết	26/12/1994	K18DCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
24	1810715052	Nguyễn	Thị Thu	Thảo	15/06/1993	K18DCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.1	K
25	1810716145	Trần	Thị Thu	Thảo	02/03/1993	K18DCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	7.0	6.0	6.5	6.6	TBK
26	1810715521	Nguyễn	Thị Thanh	Thủy	25/11/1994	K18DCD2	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK
27	1810715523	Lưu	Thị Hoài	Trâm	16/01/1994	K18DCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.7	TBK
28	1810716721	Lê	Bích	Trâm	08/01/1994	K18DCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK
29	1811714535	Phan	Quốc	Trung	01/04/1994	K18DCD2	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
30	1810716379	Trương	Thị Thảo	Uyên	19/03/1994	K18DCD2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK
31	1810714549	Mai	Thị Tường	Vi	07/06/1994	K18DCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
32	1811716492	Trần	Đình	Vũ	18/11/1994	K18DCD2	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
33	1810714574	Trần	Thị Thảo	Vy	20/01/1994	K18DCD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
1	1810713760	Nguyễn	Thị Trâm	Anh	01/11/1994	K18DCD3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
2	1810716699	Huỳnh	Thảo	Anh	06/01/1994	K18DCD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	5.0	6.1	6.4	TBK
3	1810716147	Nguyễn	Thị Bích	Châu	11/05/1992	K18DCD3					7.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3		KĐĐK
4	1810715040	Nguyễn	Thị Bích	Diễm	19/02/1994	K18DCD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK

5	1810715047	Phan Thị Dự	25/02/1994	K18DCD3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
6	1810214493	Trương Anh Hà	28/07/1994	K18DCD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
7	1810715935	Nguyễn Thị Hằng	10/10/1993	K18DCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
8	1811713747	Nguyễn Trần Trung Hiếu	09/05/1994	K18DCD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
9	1811716263	Nguyễn Đức Hoàng	22/12/1993	K18DCD3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
10	1811713945	Hồ Văn Huy	21/08/1991	K18DCD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	6.0	6.4	6.4	TBK
11	1810714561	Trần Thị Hương	11/11/1994	K18DCD3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
12	1811716378	Thái Lê Nhật Khanh	04/02/1994	K18DCD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
13	1811714569	Nguyễn Xuân Tường Lâm	01/01/1994	K18DCD3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK
14	1810714545	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	13/11/1994	K18DCD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
15	1810714570	Nguyễn Thị Mai Nhi	08/11/1994	K18DCD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
16	1810714558	Lê Thị Hoàng Oanh	06/05/1994	K18DCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	7.0	6.0	6.0	6.3	6.7	TBK
17	1811716264	Trần Văn Phước	11/01/1994	K18DCD3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK
18	1810713752	Huỳnh Kim Uyên Phương	20/03/1994	K18DCD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K
19	1810713753	Nguyễn Lê Như Quỳnh	29/11/1994	K18DCD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	7.2	K
20	1810715511	Hoàng Thị Thu Tâm	17/07/1993	K18DCD3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
21	1811713751	Đỗ Minh Toàn	19/04/1994	K18DCD3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
22	1811716377	Đỗ Anh Tùng	23/03/1994	K18DCD3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
23	1811716146	Trần Công Thành	12/07/1994	K18DCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK
24	1810714536	Lê Thị Đan Thi	10/11/1992	K18DCD3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK
25	1810714576	Bùi Thị Hoài Thu	15/09/1994	K18DCD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK
26	1810713940	Võ Thị Mỹ Thuận	24/04/1994	K18DCD3	6.0	6.0	6.0	6.0	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
27	1810715038	Nguyễn Thị Hoài Trang	12/09/1994	K18DCD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.6	TBK
28	1810715786	Ngô Thị Thảo Uyên	01/06/1994	K18DCD3					8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6		KĐĐK
29	1810715537	Nguyễn Thị Mỹ Vân	27/08/1994	K18DCD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
30	1810714579	Nguyễn Thị Tường Vi	18/06/1994	K18DCD3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
31	1810716730	Dương Nguyễn Thoại Vy	21/01/1994	K18DCD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
1	1810714566	Trương Phan Thị Kim Anh	01/05/1993	K18DCD4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK
2	1810715941	Phạm Võ Minh Châu	05/01/1994	K18DCD4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK
3	1810715938	Đinh Thị Ngọc Diệp	15/04/1993	K18DCD4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
4	1810714532	Lê Thị Thùy Dung	06/11/1994	K18DCD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	7.6	K
5	1811714559	Nguyễn Anh Duy	19/04/1994	K18DCD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	7.5	K
6	1810715505	Đặng Thị Thúy Hằng	21/06/1994	K18DCD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
7	1810714539	Đặng Thị Hậu	14/03/1994	K18DCD4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK

8	1811715507	Nguyễn Văn	Hòa	25/06/1993	K18DCD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
9	1810715509	Nguyễn Thị	Hồng	08/06/1994	K18DCD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	6.8	TBK
10	1811715531	Nguyễn Bá	Huân	11/08/1994	K18DCD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K
11	1811714573	Liêu	Huy	30/10/1994	K18DCD4	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	5.0	6.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.2	TBK
12	1810713757	Đậu Thị	Huyền	28/05/1994	K18DCD4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	K
13	1811715534	Mai Đăng	Khoa	14/10/1994	K18DCD4	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK
14	1810715044	Đỗ Thị	Khánh Mai	24/08/1994	K18DCD4	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.2	TBK
15	1810715522	Nông Thị	Nhật My	29/09/1993	K18DCD4	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
16	1810225077	Nguyễn Thị	Tuyết Ngân	24/09/1994	K18DCD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
17	1810715510	Nguyễn Thanh	Thục Nhân	18/04/1993	K18DCD4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
18	1811714572	Lưu Vũ	Vân Nhi	25/01/1994	K18DCD4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
19	1810715525	Phan Thị	Thùy Nhung	20/11/1994	K18DCD4	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
20	1810715514	Nguyễn Thị	Quỳnh Như	15/08/1994	K18DCD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
21	1810714534	Lê Thị	Ngọc Phương	13/12/1994	K18DCD4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.8	K
22	1810714555	Trần Thị	Thanh Tâm	26/02/1994	K18DCD4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
23	1810713756	Nguyễn Phạm	Thanh Tuyền	11/08/1994	K18DCD4	6.0	8.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	6.5	TBK
24	1810714562	Nguyễn Thị	Thu Thảo	17/06/1994	K18DCD4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
25	1811715936	Hồ Văn	Thảo	19/05/1994	K18DCD4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.1	K
26	1810715785	Nguyễn Cẩm	Thơ	01/11/1994	K18DCD4	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K
27	1810715516	Bùi Lê	Ngọc Thu	15/04/1994	K18DCD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK
28	1810715792	Nguyễn Thị	Hoài Thương	15/09/1994	K18DCD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.3	K
29	1810715506	Hồ Nguyễn	Thùy Trâm	04/12/1994	K18DCD4	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
30	1810715533	Nguyễn Lê	Bảo Trân	21/12/1994	K18DCD4	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
31	1811715041	Nguyễn Xuân	Triệu	21/09/1994	K18DCD4	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.7	TBK
32	1810715530	Phạm Thị	Yến Trinh	28/06/1993	K18DCD4	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
33	1810714553	Ngô Thị	Tú Uyên	19/10/1994	K18DCD4	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
34	1811715046	Phan Nguyễn	Bảo Uyên	23/09/1994	K18DCD4	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
35	1810714564	Nguyễn Thị	Thùy Vân	05/02/1993	K18DCD4	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	5.0	6.0	6.4	7.1	K
36	1810713758	Nguyễn Hoàng	Vy Vy	29/10/1994	K18DCD4	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
37	1810714571	Mai Thị	Tường Vy	01/06/1994	K18DCD4	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	6.0	5.0	5.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
1	1810316614	Ngô Thị	Ngọc Ánh	30/05/1994	K18NCD1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK
2	1810314667	Lê Thị	Thùy Dung	04/08/1994	K18NCD1	8.0	9.0	7.0	7.7	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.8	TBK
3	1810315117	Nguyễn Thị	Thúy Hiền	05/11/1993	K18NCD1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	6.2	TBK
4	1810315618	Bùi Thị	Thu Hiền	28/04/1994	K18NCD1	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK

5	1811314669	Nguyễn Thanh Hùng	20/01/1993	K18NCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK
6	1810315972	Lê Thị Hương	06/08/1994	K18NCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	TBK
7	1810316408	H' Sylywy Knul	16/03/1993	K18NCD1	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	6.2	TBK
8	1810315622	Trần Cao Nguyễn Huỳnh Lê	30/04/1994	K18NCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.4	TBK
9	1811313802	Lê Công Liêm	27/09/1993	K18NCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
10	1810315971	Hà Thị Mỹ Linh	01/01/1994	K18NCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
11	1810315617	Hồ Thị Diễm My	18/07/1993	K18NCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	5.0	6.5	6.4	TBK
12	1811315977	Phan Nguyễn Trọng Nhân	07/07/1994	K18NCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	3.0	5.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.5	TBK
13	1810314675	Huỳnh Yến Nhi	27/02/1994	K18NCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.2	TBK
14	1810316184	Trần Hải Như	09/12/1994	K18NCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
15	1810315111	Võ Thị Hồng Phấn	12/04/1994	K18NCD1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.2	TBK
16	1810313967	Hoàng Thị Ái Phương	31/07/1994	K18NCD1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	5.0	6.3	6.1	TBK
17	1810315108	Lê Thị Phương	18/06/1991	K18NCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
18	1811313803	Lê Anh Quý	27/06/1994	K18NCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
19	1810315620	Đặng Thị Bích Quyên	30/05/1994	K18NCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	3.0	5.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.1	TBK
20	1810315112	Lê Trần Thanh Sương	05/07/1993	K18NCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
21	1811315118	Nguyễn Thành Tiên	12/12/1990	K18NCD1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	7.0	7.0	7.0	6.9	TBK
22	1811313966	Hoàng Đức Song Toàn	13/02/1993	K18NCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
23	1810315113	Lê Thị Thu Thảo	08/11/1993	K18NCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK
24	1810715783	Trần Hoàng Anh Thi	05/08/1994	K18NCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
25	1810316615	Đinh Thị Thu Trang	01/01/1994	K18NCD1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	6.0	7.0	6.6	TBK
26	1810313969	Trần Châu Khánh Trinh	16/09/1994	K18NCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	6.3	TBK
27	1810314672	Nguyễn Thị Thục Uyên	23/03/1994	K18NCD1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	TBK
28	1810316181	Nguyễn Thảo Uyên	06/06/1993	K18NCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	7.0	5.0	6.0	6.0	TBK
29	1810315109	Huỳnh Thị Ngọc Vân	26/03/1993	K18NCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK
30	1811315974	Phan Triệu Vôn	08/01/1993	K18NCD1	8.0	6.0	5.0	6.1	7.0	6.0	5.0	5.8	7.0	6.0	6.0	6.3	6.1	TBK
31	1810313968	Phan Thị Tường Vy	15/05/1993	K18NCD1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
32	1810314668	Trương Thị Mỹ Vy	28/01/1994	K18NCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
1	1810314678	Trần Văn Anh	29/09/1994	K18NCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
2	1810316509	Trần Nguyễn Yến Chi	22/03/1994	K18NCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK
3	1810316701	Trần Thị Huyền Diêu	08/10/1994	K18NCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	6.2	TBK
4	1810314671	Đặng Thị Kim Dung	26/03/1994	K18NCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
5	1810316178	Nguyễn Thị Hiền	28/02/1994	K18NCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	6.0	5.0	6.1	6.2	TBK
6	1810315621	Ngô Thị Hiền	04/12/1994	K18NCD2	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	5.0	5.9	5.9	TB

7	1810316571	Trương	Thị Minh	Hiếu	26/02/1994	K18NCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.4	TBK
8	1810316182	Nguyễn	Thị	Huệ	15/04/1993	K18NCD2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
9	1811313965	Trần	Tuấn	Hùng	25/05/1993	K18NCD2	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	TBK
10	1810315614	Lê	Thị Thủy	Hương	04/01/1993	K18NCD2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	5.0	6.3	6.4	TBK
11	1810315114	Nguyễn	Lâm Ý	Lan	30/11/1994	K18NCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
12	1810315976	Nguyễn	Thị Cẩm	Lệ	04/03/1992	K18NCD2					7.0	5.0	5.0	5.6	8.0	7.0	6.0	6.8		KĐĐK
13	1810314666	Nguyễn	Thị Nhật	Lin	28/10/1994	K18NCD2	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	5.0	5.0	5.6	6.0	7.0	5.0	5.7	5.7	TB
14	1810315110	Chu	Thị Diệu	Linh	19/11/1994	K18NCD2	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
15	1811316273	Phạm	Thanh	Long	31/10/1992	K18NCD2	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.2	TBK
16	1810315813	Nguyễn	Thiên	Lý	28/01/1988	K18NCD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	6.3	TBK
17	1810314674	Nguyễn	Thị Hồng	Nga	17/12/1994	K18NCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
18	1810314670	Trần	Thị Bảo	Ngọc	24/09/1993	K18NCD2	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
19	1810314676	Huỳnh	Ánh	Nhi	27/02/1994	K18NCD2	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.2	TBK
20	1810314673	Mai	Thị Hồng	Nhung	20/03/1993	K18NCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
21	1810315611	Nguyễn	Lê Thảo	Phương	08/11/1994	K18NCD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK
22	1810316183	Trương	Diệp	Sương	14/05/1993	K18NCD2	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
23	1810314665	Nguyễn	Thị Thủy	Tiên	12/05/1994	K18NCD2					7.0	5.0	2.0		8.0	6.0	7.0	7.1		KĐĐK
24	1811313798	Phan	Anh	Thiện	22/07/1993	K18NCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
25	1810315811	Phạm	Ngọc Đài	Trang	19/07/1994	K18NCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.4	TBK
26	1810316409	Vũ	Thị Tuyết	Trâm	29/07/1994	K18NCD2	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK
27	1810313799	Nguyễn	Thị Thảo	Uyên	12/09/1994	K18NCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.4	TBK
28	1810314677	Đỗ	Thị Hoàng	Vi	25/05/1994	K18NCD2	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.4	TBK
29	1810316180	Huỳnh	Thị Mỹ	Vương	02/03/1994	K18NCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
30	1810314664	Trương	Hà	Vy	06/11/1994	K18NCD2	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.3	TBK
1	1810413797	Võ	Thị Kim	Ánh	10/02/1994	K18ACD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
2	1811414649	Lê	Xuân	Bách	03/07/1994	K18ACD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.7	TBK
3	1811415962	Phạm	Hoàng	Bắc	27/04/1994	K18ACD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
4	1810414648	Hồ	Thị Mỹ	Duyên	05/07/1994	K18ACD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
5	1811416570	Trà		Hòa	06/03/1994	K18ACD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
6	1811416539	Võ	Văn	Hồng	20/04/1994	K18ACD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
7	1811416402	Đặng	Phi	Huân	01/07/1994	K18ACD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK
8	1811415805	Bùi	Nguyễn	Khánh	04/09/1994	K18ACD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	6.9	TBK
9	1811415591	Nguyễn	Ngọc	Lợi	12/09/1993	K18ACD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
10	1810416569	Trần	Viết	Ngà	21/12/1994	K18ACD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK
11	1811416271	Lý	Trung	Nguyễn	27/06/1994	K18ACD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	6.8	TBK

12	1811415593	Mai Đại	Phước	17/08/1994	K18ACD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
13	1810416399	Phạm Thị Như	Quỳnh	11/08/1994	K18ACD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	8.0	7.6	7.2	K
14	1811416609	Võ	Thanh	08/09/1992	K18ACD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
15	1810415589	Hồ Thị Thu	Thảo	10/10/1993	K18ACD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	6.6	TBK
16	1811415594	Dương Đức	Thắng	22/11/1994	K18ACD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
17	1811415592	Phạm Quang	Thịnh	20/02/1993	K18ACD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
18	1811416170	Nguyễn Đức	Trọng	11/09/1994	K18ACD	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	6.6	TBK
19	1811414650	Đỗ Gia	Việt	26/05/1994	K18ACD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.6	TBK
20	1811416401	Hồ	Vinh	02/09/1994	K18ACD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK
21	1811416503	Nguyễn Văn	Vinh	01/10/1994	K18ACD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.0	K
22	1811416505	Nguyễn Thông	Vinh	13/01/1994	K18ACD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK
1	1811225069	Nguyễn Thăng Gia	Bảo	17/11/1994	K18QCD1	8.0	7.0	7.0	7.3					8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK
2	1810223779	Lê Thị Thùy	Dung	25/09/1994	K18QCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
3	1810224610	Phan Huỳnh Thị Thùy	Dung	23/02/1993	K18QCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
4	1810226649	Hồ Thị Thùy	Dung	12/02/1994	K18QCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	K
5	1811226157	Trần Đình Quốc	Duy	03/07/1993	K18QCD1	8.0	6.0	7.0	7.1					8.0	7.0	6.0	6.8		KĐĐK
6	1810224611	Lý Thị	Hà	28/03/1994	K18QCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	K
7	1811225067	Lại Ngọc Trung	Hiếu	26/03/1993	K18QCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
8	1810225568	Lê Thị Thanh	Lan	30/06/1994	K18QCD1	6.0	6.0	7.0	6.5	8.0	5.0	6.0	6.4						KĐĐK
9	1810224637	Nguyễn Thị Kim	Loan	10/03/1994	K18QCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
10	1811224623	Trần Hưng	Mỹ	23/08/1994	K18QCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
11	1810225579	Nguyễn Việt	Nga	17/04/1993	K18QCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K
12	1810225081	Trình Thị Yên	Nhi	18/02/1994	K18QCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	6.0	7.0	7.1	K
13	1810223789	Nguyễn Thị	Tiên	27/10/1994	K18QCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
14	1810225078	Phan Thị Phương	Thảo	19/07/1993	K18QCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	7.0	6.0	6.8	7.2	K
15	1811225074	Hồ Đức	Thắng	14/06/1993	K18QCD1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K
16	1810225954	Thái Thị	Thu	05/07/1994	K18QCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
17	1810225065	Trần Thị Hồng	Thủy	15/06/1993	K18QCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
1	1811226164	Phạm Vương	Anh	21/11/1993	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.0	6.0	6.0	6.0	6.5	TBK
2	1811223956	Nguyễn Đức	Cánh	01/01/1994	K18QCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
3	1810225080	Lê Thị Thùy	Dung	14/05/1994	K18QCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	8.0	6.0	7.0	6.7	TBK
4	1811225564	Trần Thành	Đạt	18/01/1994	K18QCD2	6.0	7.0	6.0	6.2	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	TBK
5	1810223788	Trần Thị Thu	Hà	07/09/1994	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK
6	1810226268	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	04/09/1994	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
7	1810225796	Lã Thị Thanh	Hoa	21/08/1994	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK

8	1810225567	Phan	Thị Hồng	Huệ	22/02/1994	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
9	1811225953	Hoàng	Quốc	Huy	07/12/1993	K18QCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
10	1811223782	Kiều	Lê Ngọc	Khánh	21/01/1992	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	8.0	7.4	6.0	6.0	7.0	6.5	6.9	TBK
11	1810226161	Nguyễn	Thị	Linh	14/10/1994	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	8.0	8.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK
12	1811225066	Lê		Luật	02/02/1994	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
13	1810223955	Phạm	Thị	Lý	11/02/1994	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	5.0	6.0	5.8	6.0	7.0	6.0	6.2	6.3	TBK
14	1810223954	Nguyễn	Thị Ly	Na	24/04/1994	K18QCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	8.0	6.0	6.4	7.2	K
15	1810225577	Huỳnh	Thị Ngũ	Nhung	06/05/1994	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	6.0	6.6	7.0	K
16	1810225565	Nguyễn	Thị Kim	Phụng	10/03/1994	K18QCD2	6.0	7.0	6.0	6.2	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	6.6	TBK
17	1810225956	Nguyễn	Thị Thanh	Quy	23/07/1994	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
18	1811226396	Võ	Minh	Tân	20/05/1993	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
19	1810226390	Hồ	Thùy	Tiên	22/05/1994	K18QCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK
20	1811224626	Nguyễn	Thoại	Tỷ	08/06/1994	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
21	1810225085	Trần	Thị Phương	Thảo	26/05/1994	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	8.0	7.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.3	K
22	1810225064	Cao	Thị	Thủy	01/01/1994	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.0	8.0	7.0	6.9	6.9	TBK
23	1810223781	Huỳnh	Thị Diễm	Thúy	25/03/1994	K18QCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	7.0	7.0	6.7	6.6	TBK
24	1810223786	Nguyễn	Thị Thu	Trang	29/06/1993	K18QCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	8.0	7.0	6.9	6.0	8.0	7.0	6.9	6.7	TBK
25	1811226395	Phạm	Hoàng	Trung	15/09/1992	K18QCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.0	6.0	6.0	6.0	6.7	TBK
26	171575748	Trần	Đình	Văn	20/01/1993	K18QCD2	6.0	7.0	7.0	6.7	6.0	7.0	7.0	6.7	6.0	7.0	7.0	6.7	6.7	TBK
27	1811225950	Phạm	Thế	Vị	15/10/1994	K18QCD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	6.0	6.0	6.0	6.0	6.5	TBK
28	1811225073	Lê	Tuấn	Vũ	06/04/1993	K18QCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.0	6.0	6.0	6.0	6.7	TBK
29	1810225801	Lê	Thị Bích	Xi	23/02/1994	K18QCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	6.0	7.0	6.0	6.0	5.0	5.5	6.3	TBK
1	1810226267	Võ	Trâm	Anh	02/05/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	7.0	6.0	6.2	6.4	TBK
2	1810223784	Lâm	Phượng Quỳnh	Châu	10/11/1993	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K
3	1811224624	Huỳnh	Thanh	Duẩn	02/07/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
4	1810224608	Nguyễn	Thùy	Dung	01/08/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
5	1811226537	Nguyễn	Diễm	Dương	24/04/1993	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
6	1811114503	Phạm	Văn	Đạt	24/03/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.6	TBK
7	1810226270	Nguyễn	Thị Hồng	Hạnh	06/07/1994	K18QCD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.0	7.0	7.0	6.7	6.5	TBK
8	1810225071	Trần	Minh	Hiền	30/10/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
9	1811225576	Nguyễn	Minh	Hoàng	13/11/1994	K18QCD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
10	1810223953	Lê	Thị Mỹ	Huệ	06/12/1993	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK
11	1811224625	Đỗ	Văn	Hường	11/04/1993	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
12	1810226500	Nguyễn	Thị	Lâm	29/09/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK

13	1811225798	Nguyễn	Quang Vũ	Linh	01/09/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.0	7.0	7.0	6.7	6.9	TBK
14	1810223785	Lâm	Thị Hồng	Loan	28/04/1993	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	8.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
15	1810223778	Trần	Thị Minh	Lý	04/07/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K
16	1810225580	Văn	Thị Minh	Oanh	10/06/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	8.0	7.0	6.9	6.8	TBK
17	1811224614	Tăng	Hiếu	Phụng	19/11/1993	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.9	TBK
18	1810225581	Lê	Thị Hoài	Phuong	13/01/1994	K18QCD3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
19	1810225570	Nguyễn	Phuong	Quỳnh	02/04/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
20	1810226162	Nguyễn	Thị Thủy	Tiên	15/01/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	7.0	7.5	6.9	TBK
21	1811224630	Trịnh	Thanh	Tuấn	20/10/1993	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
22	1811226163	Nguyễn	Thanh	Tuấn	14/02/1993	K18QCD3	6.0		6.0		8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3		KĐĐK
23	1810224621	Nguyễn	Thị	Thủy	10/07/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK
24	1810226394	Trương	Thị Thu	Thúy	25/01/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	7.0	8.0	7.0	7.2	6.6	TBK
25	1810224616	Trần	Thị Ngọc	Trâm	01/02/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
26	1810225958	Hoàng	Lê Việt	Trinh	14/08/1993	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.2	K
27	1810225573	Hà	Lê Nhật	Vi	02/01/1994	K18QCD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	6.0	7.0	7.2	K
28	1811224627	Trần	Thanh	Việt	22/04/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	8.0	6.0	7.0	6.6	TBK
29	1811623807	Lương	Quang	Vũ	29/06/1994	K18QCD3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.4	K
30	1810223957	Thái	Nguyễn Hạ	Vy	20/05/1994	K18QCD3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	6.0	7.0	6.9	TBK
1	1811116708	Nguyễn	Nhật	Anh	03/10/1994	K18TCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.6	TBK
2	1811114509	Nguyễn	Đức	Bảo	15/06/1994	K18TCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
3	1811116531	Huỳnh	Anh	Dũ	16/03/1993	K18TCD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
4	1811116673	Bùi	Anh	Duy	16/07/1994	K18TCD	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	8.0	7.6	7.3	K
5	1811116530	Huỳnh	Tấn	Duy	15/01/1994	K18TCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK
6	1811116720	Lê	Mậu	Đông	12/12/1993	K18TCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	6.0	7.0	6.5	6.4	TBK
7	1811115491	Trương	Minh	Đức	30/10/1994	K18TCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK
8	1811116489	Trần	Văn	Hậu	14/07/1994	K18TCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.3	TBK
9	1811116563	Huỳnh	Đức	Hóa	29/08/1994	K18TCD	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0	6.0	6.0	6.6	7.1	K
10	1811116137	Hồ	Vũ Duy	Hoàng	27/05/1994	K18TCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	5.0	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK
11	1811116564	Nguyễn	Thanh	Hùng	02/06/1993	K18TCD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	7.0	K
12	1811114502	Hồ	Trần Anh	Kiệt	27/04/1993	K18TCD	6.0	7.0	5.0	5.7	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK
13	1811115492	Hồ	Xuân Vũ	Khánh	01/01/1994	K18TCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
14	1811116258	Phan	Ngọc	Lâm	27/03/1993	K18TCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	6.3	TBK
15	1811114505	Ngô	Trọng	Lê	01/01/1994	K18TCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.5	TBK
16	1810115489	Hồ	Thị Mỹ	Linh	10/10/1994	K18TCD	8.0	7.0	7.0	7.3	6.0	7.0	6.0	6.2	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
17	1811114514	Đặng	Văn	Pháp	26/01/1993	K18TCD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K

18	1811114510	Báo Quý Anh	Tài	09/01/1994	K18TCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK
19	1811115485	Lê Ngọc	Tân	02/02/1994	K18TCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
20	1811116259	Ngô Nhật	Tân	11/09/1994	K18TCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.0	7.0	6.0	6.2	6.8	TBK
21	1811115030	Phan Văn	Tiến	18/09/1994	K18TCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.0	6.0	6.0	6.0	6.5	TBK
22	1811114513	Lê Văn	Tín	02/08/1994	K18TCD	8.0	7.0	5.0	6.3	6.0	7.0	6.0	6.2	8.0	7.0	6.0	6.8	6.4	TBK
23	1811113740	Trần Thanh	Toàn	10/03/1994	K18TCD	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	7.0	6.0	6.2	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
24	1811114508	Trần Văn	Tường	02/10/1994	K18TCD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	7.0	K
25	1811116375	Hồ Duy	Thanh	25/08/1993	K18TCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
26	1811113934	Hà Văn	Thuận	12/08/1994	K18TCD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
27	1811115494	Nguyễn Trí	Trung	04/07/1993	K18TCD	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	8.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
28	1811114512	Lê Mạnh	Ý	26/03/1993	K18TCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.6	TBK
29	1811115490	Đình Phước	Yên	16/11/1994	K18TCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
1	1811123776	Phạm Đình	Công	11/03/1994	K18ECD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	6.0	6.8	6.7	TBK
2	1811126499	Mai Xuân	Chiến	02/01/1994	K18ECD	6.0	7.0	6.0	6.2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK
3	1811125560	Phan Ngọc Đình	Giang	17/11/1994	K18ECD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK
4	1810125949	Huỳnh Thị	Hải	05/04/1994	K18ECD	6.0	7.0	5.0	5.7	8.0	6.0	8.0	7.6	6.0	7.0	6.0	6.2	6.5	TBK
5	1811125558	Dương Quốc	Hiếu	23/04/1994	K18ECD	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK
6	1811126387	Nguyễn Văn	Hội	19/04/1993	K18ECD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	6.0	7.0	6.8	TBK
7	1811126264	Nguyễn Duy	Kha	17/03/1994	K18ECD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
8	1811125562	Trần Hữu	Lâm	20/08/1993	K18ECD	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
9	1811124606	Bạch Chon	Lộc	05/09/1994	K18ECD	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.3	6.0	7.0	7.0	6.7	7.3	K
10	1811126536	Nguyễn Bá	Quyết	14/06/1993	K18ECD	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
11	1811125561	Dương Minh	Tuấn	08/07/1994	K18ECD	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.4	K
12	1811124605	Phạm Đình	Thành	20/06/1993	K18ECD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	8.0	7.0	6.9	6.4	TBK
13	1811125559	Vũ Nhật	Thảo	25/11/1994	K18ECD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	7.2	K
14	1811123952	Nguyễn	Thuận	06/11/1993	K18ECD	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	8.0	7.6	6.9	TBK
15	1810126535	Hoàng Thị Ngọc	Trình	20/11/1994	K18ECD	6.0	7.0	6.0	6.2	8.0	5.0	8.0	7.4	6.0	7.0	8.0	7.2	6.9	TBK
1	1810626510	Trương Thị	An	28/02/1994	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	6.7	TBK
2	1811624684	Lê Phan Quang	Anh	04/08/1994	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
3	1811624687	Lê Nhật	Anh	12/11/1993	K18MCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	5.0	6.0	6.4	6.3	TBK
4	1810623971	Nguyễn Thị Ngọc	Bảo	25/07/1993	K18MCD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.8	TBK
5	1810624686	Bùi Thị Hạ	Diễm	25/02/1992	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
6	1810624689	Hồ Phạm Quỳnh	Dương	01/01/1993	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	6.9	TBK
7	1811623806	Nguyễn Văn	Điệp	12/01/1994	K18MCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
8	1810624685	Nguyễn Lê Ngọc	Hà	30/11/1993	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK

9	1811626658	Nguyễn	Đức	Hà	14/05/1994	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK
10	1810626185	Phan	Thị	Hiếu	03/04/1993	K18MCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.4	TBK
11	1811626729	Đặng	Quốc	Hiếu	12/08/1994	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
12	1811626678	Nguyễn	Ngọc	Hòa	23/10/1994	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	6.0	6.6	6.4	TBK
13	1811625816	Lê	Phú	Hoàng	08/10/1993	K18MCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
14	1811625818	Võ	Ngọc	Hùng	27/03/1994	K18MCD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
15	1811624681	Ngô	Hoàng	Huy	18/06/1994	K18MCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.9	6.5	TBK
16	1810623970	Nguyễn	Thị Tiêu	Liên	08/11/1994	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	8.0	7.8	7.1	K
17	1810624683	Hoàng	Thị Thùy	Linh	04/11/1994	K18MCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	6.0	6.8	6.0	7.0	6.0	6.2	6.4	TBK
18	1811625979	Trần	Ngân	Nam	03/07/1992	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	6.0	6.0	6.0	6.2	TBK
19	1811625121	Nguyễn	Hữu	Nhật	09/09/1994	K18MCD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	5.0	6.0	6.4	6.5	TBK
20	1811624680	Nguyễn	Văn	Phước	12/06/1994	K18MCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.0	7.0	8.0	7.2	6.6	TBK
21	1811626572	Trần	Vinh	Tâm	20/05/1993	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	7.0	6.0	6.0	6.3	6.5	TBK
22	1811626276	Trần	Viết	Tuyên	05/12/1994	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	6.0	6.6	6.5	TBK
23	1810624690	Hồ	Thị Thu	Thảo	02/10/1993	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.7	TBK
24	1810625625	Phan	Thị Hoài	Thu	25/01/1994	K18MCD	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
25	1810214454	Nguyễn	Thị Thanh	Thúy	22/12/1993	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	6.0	6.6	6.6	TBK
26	1811624682	Võ	Hà Anh	Thư	20/06/1994	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
27	1811626410	Lê	Văn	Trương	07/05/1993	K18MCD	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	6.9	TBK
28	1810625125	Lê	Thị	Vi	30/03/1994	K18MCD	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.8	TBK
29	1811625978	Nguyễn	Hoàng	Vũ	20/01/1994	K18MCD	6.0	7.0	6.0	6.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	6.6	TBK
1	1811615754	Phạm	Văn	Châu	26/10/1993	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	8.0	7.0	6.9	6.5	TBK
2	1811615909	Nguyễn	Văn	Dũng	04/02/1993	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
3	1811613724	Nguyễn	Hoàng	Duy	23/08/1994	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	5.0	7.0	6.9	6.9	TBK
4	1811616117	Huỳnh	Quốc	Đạt	05/11/1993	K18XCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.5	TBK
5	1811616112	Trần	Ngọc	Giang	02/02/1994	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K
6	1811615755	Vũ	Manh	Hải	17/07/1994	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
7	1811616363	Trần	Hồng	Hạnh	25/09/1994	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.0	8.0	8.0	7.4	7.0	K
8	1811616251	Trần	Xuân	Hắc	29/11/1994	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	7.3	K
9	1811614440	Phan	Thế	Hiển	17/11/1994	K18XCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	6.0	8.0	7.6	6.9	TBK
10	1811616116	Lê	Quang	Hòa	26/09/1994	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	7.5	K
11	1811615447	Trần	Nhật	Hoàng	01/03/1994	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	6.6	TBK
12	1811616115	Lê	Tự	Hùng	10/03/1994	K18XCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.0	7.0	8.0	7.2	6.6	TBK
13	1811616109	Nguyễn	Trí	Hương	04/04/1994	K18XCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.7	TBK
14	1811614999	Hoàng	Quốc	Khánh	02/09/1993	K18XCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	7.0	6.9	6.0	7.0	7.0	6.7	6.6	TBK

15	1811615439	Hoàng	Lan	02/06/1993	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
16	1810614449	Phan Thị	Mai	10/02/1993	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.2	K
17	1811615449	Võ Như	Minh	30/11/1994	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	6.0	7.0	7.0	6.7	6.8	TBK
18	1811616481	Ban Lại	Nam	28/03/1993	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	7.0	7.1	7.2	K
19	1811615440	Thái	Nguyễn	12/08/1993	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
20	1811615914	Từ Minh	Nhân	11/02/1994	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	8.0	7.0	7.5	7.1	K
21	1811615752	Phan Thanh	Phong	17/10/1994	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	6.0	8.0	7.0	6.9	6.7	TBK
22	1811615915	Huỳnh Ngọc	Phô	10/08/1993	K18XCD1	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	8.0	7.0	6.9	6.4	TBK
23	1811613725	Mai Nguyễn	Phước	02/07/1994	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
24	1811616591	Nguyễn Thanh	Phương	26/02/1994	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
25	1811613501	Bùi Ngọc	Quốc	27/07/1992	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	7.0	7.0	6.7	6.5	TBK
26	1811616485	Vương Anh	Quốc	20/08/1994	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
27	1811614443	Đỗ Phạm Thanh	Sang	30/06/1994	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
28	1811614995	Lê Trường	Sơn	28/05/1994	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	7.0	6.9	6.0	5.0	7.0	6.3	6.7	TBK
29	1811614989	Ngô Văn	Tây	12/10/1991	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
30	1811614444	Phan Văn	Tiến	22/09/1994	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
31	1811614996	Hoàng Công	Thạo	27/10/1994	K18XCD1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.3	K
32	1811614439	Trần Văn	Thắng	14/04/1994	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K
33	1811616250	Đặng Văn	Trung	12/09/1994	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	7.0	5.0	5.7	6.2	TBK
34	1811616695	Đinh Văn	Trường	14/10/1993	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
35	1811614991	Tạ Quang	Vũ	09/04/1993	K18XCD1	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	K
36	1811614442	Bùi Trung	Vỹ	03/04/1994	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	8.0	5.0	5.9	6.3	TBK
37	1811615445	Nguyễn Thanh	Xuân	20/02/1993	K18XCD1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
1	1811615450	Trần Mậu	Châu	07/03/1994	K18XCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	6.7	TBK
2	1811615757	Trần Tiến	Dũng	18/06/1994	K18XCD2	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	6.2	TBK
3	1811614438	Hồ Công	Đạt	20/12/1991	K18XCD2	6.0	7.0	6.0	6.2	6.0	7.0	6.0	6.2	8.0	5.0	5.0	5.9	6.1	TBK
4	1811615437	Nguyễn Thanh	Đức	20/12/1993	K18XCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	7.0	7.1	8.0	6.0	5.0	6.1	6.7	TBK
5	1811614450	Phan Công	Hải	24/04/1994	K18XCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	5.0	6.1	6.4	TBK
6	1811614445	Lê Tất	Hân	12/10/1994	K18XCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	5.0	6.1	6.6	TBK
7	1811614993	Nguyễn Việt	Hiền	23/02/1993	K18XCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
8	1811616592	Phạm Trung	Hiếu	18/01/1991	K18XCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	6.0	5.0	5.0	5.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.6	TBK
9	1811616528	Trần Chánh	Hùng	27/07/1994	K18XCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.9	TBK
10	1811616364	Trương Lý	Huỳnh	17/05/1994	K18XCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
11	1811616484	Phạm Nhật	Kỳ	21/09/1994	K18XCD2	6.0	7.0	6.0	6.2	6.0	6.0	5.0	5.5	6.0	7.0	7.0	6.7	6.1	TBK
12	1811616111	Nguyễn Văn Duy	Khánh	06/02/1994	K18XCD2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	7.1	K

13	1811416504	Nguyễn Văn	Linh	10/06/1993	K18XCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK
14	1811615448	Phan Đình	Linh	15/12/1994	K18XCD2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	6.0	7.0	6.5	6.5	TBK
15	1811616478	Trần Tiêu	Long	16/12/1993	K18XCD2	8.0	6.0	5.0	6.1	6.0	6.0	5.0	5.5	8.0	6.0	7.0	7.1	6.2	TBK
16	1811615908	Đinh Xuân	Minh	20/03/1993	K18XCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	K
17	1811613723	Đỗ Hồng	Muôn	05/02/1993	K18XCD2	6.0	7.0	7.0	6.7	8.0	5.0	7.0	6.9	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
18	1811614997	Trương Quang	Nhân	24/05/1987	K18XCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.0	7.0	7.3	7.0	K
19	1811614448	Lê Tự	Nhật	10/11/1993	K18XCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
20	1811616482	Nguyễn Hồng	Phúc	12/01/1993	K18XCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
21	1811616110	Nguyễn Đình	Quang	12/08/1994	K18XCD2	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	5.0	7.0	6.9	7.1	K
22	1811615444	Nguyễn Văn	Quyết	16/05/1993	K18XCD2	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	7.1	K
23	1811613726	Nguyễn Ngọc	Sanh	02/12/1994	K18XCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	5.0	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
24	1811615753	Phan Thanh	Toàn	10/12/1994	K18XCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	6.0	7.0	7.0	6.7	6.6	TBK
25	1811614441	Nguyễn Hữu Thanh	Tùng	01/01/1994	K18XCD2	8.0	6.0	6.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.3	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK
26	1811616253	Nguyễn Bá Trọng	Trí	02/04/1994	K18XCD2	6.0	7.0	7.0	6.7	6.0	6.0	5.0	5.5	6.0	5.0	7.0	6.3	6.2	TBK
27	1811614447	Nguyễn Công	Vũ	31/05/1994	K18XCD2	8.0	7.0	7.0	7.3	8.0	5.0	5.0	5.9	8.0	6.0	7.0	7.1	6.8	TBK
28	1811615910	Hồ Trung	Vương	01/01/1993	K18XCD2	8.0	8.0	6.0	7.0	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	7.0	7.0	7.3	6.8	TBK
29	1811614436	Lê Văn	Vỹ	25/02/1993	K18XCD2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	6.0	5.0	6.1	8.0	6.0	7.0	7.1	6.7	TBK